

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/DS-ST

Ngày: 26-5-2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng Bích.

Ông Huỳnh Văn Nam.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Trụ sở: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Bé Tám – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh An Giang. (Theo quyết định số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Phước H. Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý rủi ro và ông Nguyễn Minh C. Chức vụ: Chuyên viên Phòng quản lý rủi ro – Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh An Giang. (Theo Quyết định ủy quyền số 825/QĐ-BIDV.AG ngày 24/12/2020).

- *Bị đơn:* Ông Đường Văn D, sinh năm 1972. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hà Thanh T, sinh năm 1964. (Có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành.

2. Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1986. (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 85/2 đường Lê Văn Nhung, khóm B 3, phường B, thành X, tỉnh An Giang.

3. Bà Lê Thụy Tường V, sinh năm 1978. (Có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: số 162/5 đường Thoại Ngọc Hầu, khóm 5, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang.

4. Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1977. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

5. Bà Đường Thị Thanh X, sinh ngày 09/3/2001. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

6. Cháu Đường Yên V, sinh ngày 13/6/2011.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đường Yên V: ông Đường Văn D, sinh năm 1972 và bà Trương Thị Đ, sinh năm 1977. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh C trình bày:

Vào ngày 13/3/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và ông Đường Văn D ký Hợp đồng tín dụng số 01/2017/8918444/HĐTD ngày 13/3/2017, Ngân hàng cho ông D vay số tiền 420.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay: tiêu dùng có tài sản bảo đảm, lãi suất cho vay trong hạn: từ ngày 13/3/2017 đến hết ngày 31/3/2017 là 11%/năm, lãi suất sẽ điều chỉnh 06 tháng/lần. Việc điều chỉnh lãi suất được Ngân hàng thông báo vào các ngày 01/4 và ngày 01/10 hàng năm (nếu có thay đổi), lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để đảm bảo khoản vay, Ngân hàng và ông D ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/8918444/HĐBĐ ngày 13/3/2017, đăng ký thế chấp tại Văn phòng công chứng T ngày 16/3/2017, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05759 ngày 29/12/2015 do UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp cho ông Đường Văn D, số thửa: 38, tờ bản đồ số 40, diện tích 563,9m², loại đất ở tại nông thôn, nhà ở diện tích xây dựng 77,6m², diện tích sàn 124,6m², nền gạch Ceramic, khung cột BTCT, vách tường gạch

+ sàn BTCT, mái tole, cấp 3B, số tầng: 2, đất và nhà ở tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ tháng 4/2017 đến ngày 12/02/2020, ông D thanh toán cho Ngân hàng số tiền 160.946.000 đồng thì không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ nhưng ông D không hợp tác và không có thiện chí trả nợ.

Tính đến ngày 12/02/2020, ông D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 350.169.777 đồng, trong đó nợ gốc: 259.054.000 đồng, lãi: 91.115.777 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 11.104.000 đồng do ông D đã thanh toán số tiền này cho Ngân hàng. Yêu cầu ông Đường Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – chi nhánh An Giang đại diện nhận tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/5/2021 là 374.341.757 đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/8918444/HĐBĐ ngày 13/3/2017 trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/8918444/HĐTD ngày 13/3/2017 được ký kết giữa ông Đường Văn D với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Long Xuyên – PGD Tôn Đức Thắng (nay là BIDV An Giang) để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với nội dung trình bày của ông D cho rằng không trực tiếp nhận tiền tại Ngân hàng là không đúng. Các chữ ký tại Giấy rút tiền mặt, bảng kê rút tiền mặt ngày 20/3/2017 đều là của ông D và bà Trúc là người đại diện theo ủy quyền của ông D trong quá trình làm việc với Ngân hàng cũng thừa nhận chữ ký là của ông D. Mặt khác sau khi Ngân hàng phát hiện ông D sử dụng vốn vay không đúng mục đích đã tiến hành lập biên bản ngày 24/3/2017, tại biên bản này có ghi rõ nội dung ông D cho ông Hà Thanh T mượn tiền và không cung cấp được các hóa đơn mua hàng chứng minh cho việc sử dụng vốn vay, đồng thời ông D cũng ký tên vào biên bản này. Điều này chứng tỏ việc vay mượn tiền giữa ông D và ông Hà Thanh T thực hiện sau khi Ngân hàng giải ngân số tiền vay cho ông D, đây là giao dịch cá nhân giữa ông D và ông T1, không liên quan đến Ngân hàng.

Đối với việc ông D yêu cầu phải trích xuất camera quá trình giao, nhận tiền vay tại Ngân hàng thì phía Ngân hàng cũng đã cung cấp cho Tòa án thông báo không cung cấp được đoạn camera ghi hình do quy định nội bộ của Ngân hàng tại Phụ lục III, Quy định số 2633/QĐ-BIDV ngày 04/6/2019 của Tổng Giám đốc về quản lý, sử dụng và khai thác hệ thống Camera thì thời hạn lưu trữ dữ liệu Camera từ khi phát sinh đến khi cần tra cứu: tối thiểu 100 ngày đối với hệ thống camera kho tiền và nơi giao dịch. Ông D ký nhận tiền vay vào ngày 20/3/2017, do quá thời gian trên nên Ngân hàng không thể cung cấp đoạn camera tuy nhiên các chữ ký của ông D trên Giấy rút tiền mặt, bảng kê rút tiền mặt ngày 20/3/2017 chứng minh được ông D là người nhận tiền mặt tại quầy theo đúng như Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng và ông D. Mặt khác, theo quy định của Ngân hàng thì khi khách hàng ký tên nhận tiền mặt thì cán bộ tín dụng có nghĩa vụ kiểm tra đúng tên theo chứng minh nhân dân, giao tiền mặt trực tiếp cho khách hàng vay và yêu cầu kiểm tra đúng số tiền vay trước

khi rời khỏi quầy nên việc ông D trình bày số tiền vay do ông Hà Thanh T trực tiếp nhận là không đúng theo quy định của Ngân hàng, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của ông D.

Đối với bảng kê tiền lãi, hợp đồng tín dụng mà ông D gửi cho Tòa án là bảng photo có ghi số tiền vay 180.000.000 đồng, Ngân hàng xác định đây không phải là bảng kê do Ngân hàng phát hành cho khách hàng vì không có dấu mộc của Ngân hàng và tại trang 1 của hợp đồng tín dụng không có dấu mộc giáp lai của Ngân hàng. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ này không có giá trị pháp lý.

- *Tại phiên tòa và bản tự khai ngày 08/6/2020, bị đơn đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Đường Yên V, ông Đường Văn D trình bày:*

Vào năm 2017 thông qua cán bộ tín dụng ngân hàng BIDV An Giang – Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng, ông có thể chấp tài sản và vay tiêu dùng số tiền 180.000.000 đồng (hợp đồng vay ngày 13/3/2017, thời hạn vay: 60 tháng), do tin tưởng ông Hà Thanh T có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Viết T cán bộ tín dụng của ngân hàng nên ông đã nhờ ông T1 làm hồ sơ vay ngân hàng, đưa toàn bộ giấy tờ của ông cho ông T1 và ông T làm thủ tục, lúc ký tên ông vẫn đọc hợp đồng và thấy số tiền vay của ông là 180.000.000 đồng kèm theo bảng tính lãi, tính tiền trả góp hàng tháng. Ông đưa hồ sơ vay cho ông T và ông T1. Sau đó, ông T1 mang về đưa cho ông 162.000.000 đồng, nói rằng số tiền 18.000.000 đồng là chi phí đi vay, ông đồng ý.

Đến ngày 23/3/2017, ông T1 đưa lại giấy tờ vay cho ông ông mới thấy trong hợp đồng 420.000.000 đồng. Ông không đồng ý, ông T1 năn nỉ ông, nói lỡ lấy 240.000.000 đồng và làm giấy cam kết cùng ông trả số nợ này, thời điểm đó xem như nợ ai nấy trả. Ông sợ sau này thanh lý nợ với ông nên ông đã làm đơn tố cáo ông T1 câu kết với cán bộ Ngân hàng BIDV phòng giao dịch Long Xuyên lừa đảo ông, khi ông tố cáo thì được Ngân hàng mời đến làm việc và ông không thừa nhận nợ, yêu cầu cho xem lại camera ghi hình lúc phát tiền vay có ông đi nhận hay không? Ai ký giấy nhận tiền nhưng bà Lê Thụy Tường V – Phó giám đốc Ngân hàng không đồng ý, nói khóa laptop, không giải quyết đến nơi đến chốn và vẫn buộc ông số nợ 420.000.000 đồng. Ông có gửi đơn đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang tố cáo việc này, có được mời lên làm việc, tại cơ quan điều tra phía Ngân hàng BIDV muốn chạy trốn trách nhiệm nên đã hứa, đồng ý cho ông trả số nợ 180.000.000 đồng và yêu cầu ông rút đơn tố cáo. Ông vì tin tưởng cán bộ Ngân hàng, vì bận việc không muốn đi lại nhiều nên đã đồng ý.

Tại thời điểm vay đến nay, mỗi tháng ông đều trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trừ dần. Ông trả liên tục đến nay đã 37 tháng cũng không thấy Ngân hàng nói gì. Khi nhận được Thông báo thụ lý, thông báo hòa giải của TAND thành phố Long Xuyên về việc Ngân hàng BIDV khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc 259.054.000 đồng và lãi 91.115.777 đồng, tổng cộng 350.169.777 đồng. Tại thời điểm (ngày 10/6/2020) khi hợp đồng vay vẫn đang còn hiệu lực ông vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo bảng tính tiền của Ngân hàng nhưng Ngân hàng vẫn khởi kiện ông là xem thường khách hàng.

Ông thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Đường Văn D trên giấy rút tiền mặt, bảng kê rút tiền mặt ngày 20/3/2017 là do ông ký và viết tên nhưng ông không trực tiếp nhận tiền mà người nhận tiền là ông Hà Thanh T. Do đó, ông không đồng ý trả số tiền mà Ngân hàng yêu cầu, Ngân hàng cùng ông T1 cấu kết với nhau để chiếm đoạt tiền của ông. Mặt khác, theo quy định pháp luật, hợp đồng vay chưa quá hạn (13/3/2022 mới hết hạn) thì ngân hàng không có quyền khởi kiện ông. Yêu cầu Tòa án trả lại đơn khởi kiện, đình chỉ vụ án.

Yêu cầu Ngân hàng BIDV – Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng, những người ký tên phát vay vào hợp đồng của ông phải chịu trách nhiệm với số tiền vốn 240.000.000 đồng đã đưa cho ông T1 mà ông T1 không đưa cho ông.

Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xem xét chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra có thẩm quyền để xem xét về việc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của ông Hà Thanh T và các cán bộ phòng giao dịch Tôn Đức Thắng Ngân hàng BIDV theo quy định pháp luật.

Ông yêu cầu Tòa án triệu tập ông Nguyễn Viết T, bà Lê Thụy Tường V, ông Hà Thanh T để ông và những người này đối chất tại phiên tòa làm rõ số tiền vay 420.000.000 đồng do ông Hà Thanh T trực tiếp nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Thanh T có yêu cầu xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 20/11/2020:

Ông và ông D là bạn bè, việc ký hợp đồng vay vốn số tiền 420.000.000 đồng và ký hợp đồng tại đâu ông không biết, ông không nhận tiền giải ngân từ Ngân hàng. Ông D có nói với ông khi nào vay được tiền sẽ cho ông mượn số tiền 240.000.000 đồng và giữa ông, ông D có làm biên nhận mượn tiền, do vay tiền của ngân hàng nên hàng tháng ông trả tiền vốn và lãi cho ông D theo số tiền vốn, lãi của Ngân hàng. Đối với bảng lãi của số tiền 180.000.000 đồng mà ông D trình bày ông không phải là người đưa cho ông D, việc vay tiền là giữa ông D và Ngân hàng thỏa thuận, ông không biết nội dung hợp đồng tín dụng và bảng lãi số tiền 180.000.000 đồng như ông D trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thụy Tường V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày tại tờ tường trình ngày 12/12/2020:

Ngày 08/3/2017, cán bộ tín dụng Nguyễn Viết T trình nhu cầu vay vốn của ông Đường Văn D, số tiền vay 420.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng. Qua xem xét các thủ tục giấy tờ liên quan cùng với tài sản thế chấp, bà cử ông T đến nhà ông D thẩm định thực tế vào ngày 10/3/2017 tại nơi cư ngụ cũng là tài sản mà ông D dùng để đảm bảo cho việc vay vốn.

Xét thấy khách hàng Đường Văn D tài sản thế chấp có giá trị đáp ứng đủ điều kiện vay vốn, có chứng minh nguồn thu nhập ổn định và đảm bảo khả năng trả nợ, kết hợp việc cán bộ thẩm định thực tế và các báo cáo thẩm định tài sản, bà đã thống nhất theo đề xuất của cán bộ Tân phê duyệt hồ sơ vay vốn của ông D. Ngày 16/3/2017, cán bộ Tân đã thông báo mời ông D đến Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng để ký nhận hồ sơ vay vốn đồng thời cán bộ T cùng ông D thực hiện thủ tục công chứng đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng công chứng T (công chứng viên là

ông Đỗ Kiến Trúc, hợp đồng thế chấp được công chứng theo số công chứng 149, quyền số 05/TP/CC-SCC/HD9TC). Ngày 17/3/2017, cán bộ T mang hồ sơ của khách hàng D đến Văn phòng đăng ký đất huyện Tri Tôn để thực hiện giao dịch bảo đảm.

Ngày 20/3/2017, ông D đến Ngân hàng BIDV – chi nhánh Long Xuyên, phòng giao dịch Tôn Đức Thắng thực hiện đầy đủ thủ tục ký tên vào các giấy tờ gồm: bảng kê rút vốn, giấy lĩnh tiền mặt, bảng kê chi tiền... và ông D đã trực tiếp nhận số tiền 420.000.000 đồng. Ngày 23/3/2017, cán bộ T đến nhà ông D yêu cầu cung cấp các hóa đơn, chứng từ cho việc sử dụng vốn vay, ông D có thừa nhận cho ông T1 mượn số tiền 240.000.000 đồng trong khoản vay 420.000.000 đồng. Ông D đưa biên nhận nợ do ông T1 cùng vợ ký và lấn dấu vân tay, có nhân chứng là ông Đường Chí C là anh ruột ông Đường Văn D. Tuy nhiên, đó là việc cá nhân của ông D.

Vào ngày 26/4/2017, BIDV Long Xuyên có nhận đơn tố cáo của ông D với nội dung không thừa nhận khoản vay 420.000.000 đồng, chỉ nhận nợ 180.000.000 đồng, yêu cầu Ngân hàng khoan nợ số tiền 240.000.000 đồng. Ngày 28/4/2017, phòng giao dịch Tôn Đức Thắng đã điện thoại trực tiếp và gửi thư mời ông D để giải quyết yêu cầu nhưng ông D từ chối cuộc hẹn. Ngày 04/5/2017, ông D không đến mà ủy quyền cho Luật sư Thái Thị Diễm T làm đại diện cho ông D đến làm việc với Ngân hàng. Ngân hàng đã cung cấp các chứng từ tài liệu gồm: hợp đồng tín dụng, bảng kê rút vốn, giấy lĩnh tiền mặt... có liên quan đến khoản vay 420.000.000 đồng tại phòng giao dịch Tôn Đức Thắng trực thuộc BIDV Long Xuyên đã được xác lập. Về phía bà Trúc cũng khẳng định toàn bộ chữ ký tại hồ sơ tín dụng và các giấy tờ liên quan đến khoản vay của ông D là do chính ông D đã ký (có biên bản làm việc). Ngày 23/5/2017, ông D tiếp tục gửi đơn tố cáo đến Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh An Giang. Ngày 04/7/2017, Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Long Xuyên đã có văn bản trả lời và báo cáo sự việc về Ngân hàng Nhà nước tỉnh An Giang.

Từ khi nhận tiền vay từ ngày 20/3/2017 đến ngày 20/6/2017, ông D trả đầy đủ gốc 7.000.000 đồng và lãi mỗi tháng theo đúng cam kết hợp đồng tín dụng số 01/2017/8918444/HĐTD ngày 13/3/2017, chứng từ trả nợ gốc và lãi thể hiện trên tài khoản của ông D. Việc ông D cho ông Hà Thanh T vay mượn 240.000.000 đồng là quan hệ cá nhân giữa hai bên, không liên quan đến BIDV và cán bộ Ngân hàng BIDV.

Bà thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Đề nghị ông D thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày tại tờ tường trình ngày 28/12/2020:

Vào ngày 08/3/2017, ông D có đến Ngân hàng BIDV chi nhánh Long Xuyên, phòng giao dịch Tôn Đức Thắng để làm hồ sơ vay vốn, sau khi tiếp nhận hồ sơ ông D, ông đến nhà ông D để thẩm định thực tế vào ngày 10/3/2017, khi trao đổi với ông D thì được biết ông D có nhu cầu vay số tiền 420.000.000 đồng để mua sắm vật dụng sinh hoạt trong gia đình, khi trao đổi với ông D xong ông về Ngân hàng BIDV chi nhánh Long Xuyên phòng giao dịch Tôn Đức Thắng trình với lãnh đạo xem xét và giải quyết cho ông D, ông D đã chứng minh được nguồn thu nhập rõ ràng và tài sản thế chấp có giá trị đáp ứng đủ điều kiện vay vốn. Đến sáng ngày 16/3/2017 ông gọi

điện thoại báo cho ông D đến Ngân hàng BIDV chi nhánh Long Xuyên phòng giao dịch Tôn Đức Thắng để ký nhận hồ sơ vay vốn và thực hiện thủ tục công chứng đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Văn phòng công chứng T – An Giang do ông Đỗ Kiến T là công chứng viên là người lập hợp đồng và là người chứng kiến trong suốt quá trình lập hợp đồng thế chấp tại phòng công chứng Tri Tôn, công chứng viên đã đọc lại bản hợp đồng và thông báo cho ông D số tiền 420.000.000 đồng, ông D đủ năng lực hành vi dân sự theo pháp luật hiện hành nên đã đồng ý ký tên, điểm chỉ vào bản hợp đồng thế chấp. Ngày 17/3/2017 ông mang hồ sơ thế chấp của ông D đến văn phòng đăng ký đất huyện Tri Tôn để ký giao dịch bảo đảm quyền sử dụng đất theo đúng trình tự, thủ tục của Ngân hàng quy định và nhận kết quả trong ngày. Đến ngày 20/3/2017 ông D đến Ngân hàng BIDV chi nhánh Long Xuyên phòng giao dịch Tôn Đức Thắng ký tên vào giấy tờ nhận nợ gồm: bảng kê rút vốn, giấy lĩnh tiền mặt, bảng kê tiền...” ông D nhận tiền tại quầy giao dịch.

Ngày 23/3/2017, ông đến nhà ông D yêu cầu cung cấp chứng từ sử dụng vốn vay, ông D không cung cấp được và thừa nhận ông đã cho ông Hà Thanh T mượn số tiền 240.000.000 đồng trong số tiền vay 420.000.000 đồng theo biên bản kiểm tra sử dụng vốn ngày 23/3/2017 mà ông D ký với Ngân hàng. Chiều cùng ngày 23/3/2017, ông D điện thoại cho ông và nhờ ông nói giúp với vợ ông D (bà Trương Thị Đ) số tiền mà ông đã vay Ngân hàng là 180.000.000 đồng lý do ông D không đưa đủ số tiền 420.000.000 đồng cho vợ ông. Do vì quá tin tưởng ông D và không muốn phát sinh nợ quá hạn nên ông đã hứa giúp ông D, không ngờ ông D đã lợi dụng và ghi âm lại.

Sau đó có người tự xưng là Công là anh ruột ông D điện thoại cho ông và yêu cầu ông nói thật để giải quyết chuyện gia đình, ông tin tưởng nên đã nói ông D cho ông T1 mượn 240.000.000 đồng và ông D đã nhận 180.000.000 đồng, ông C lợi dụng và ghi âm lại những lời ông nói. Mặt khác, ông D, ông C đã làm biên nhận mượn tiền cùng ký tên điểm chỉ vào biên nhận mượn tiền với ông Hà Thanh T, biên bản nhận tiền đề ngày 23/3/2017.

Ông thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

- *Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Đ đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Đường Yến V trình bày:*

Bà có ký tên vào Giấy đề nghị vay vốn ngày 13/3/2017 nhưng không ký tên vào hợp đồng tín dụng, việc giải ngân và nhận tiền mặt tại Ngân hàng là do chồng bà – ông Đường Văn D thực hiện. Bà chỉ nghe ông D nói lại số tiền vay là 180.000.000 đồng, việc ông D có cho ông Hà Thanh T mượn tiền hay không bà không biết, ông D nói với bà người trực tiếp nhận tiền vay là ông T1. Đối với yêu cầu của Ngân hàng, bà không đồng ý, bà yêu cầu Tòa án triệu tập ông Nguyễn Viết T, bà Lê Thụy Tường V, ông Hà Thanh T có mặt tại phiên tòa để làm rõ số tiền vay 180.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đường Thị Thanh X vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà Xuân về nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:*

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Văn Mừng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng riêng bà Trương Thị Đ, Đường Thị Thanh X chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền nợ gốc 11.104.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ:

+ Buộc ông D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi suất phát sinh trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong.

+ Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/8918444/HĐBĐ ngày 13/3/2017 giữa Ngân hàng và ông D để đảm bảo cho việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng) do ông Phan Đức Tú – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Bé Tám – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – chi nhánh An Giang. (theo Giấy ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019). Ông Nguyễn Văn Bé Tám ủy quyền lại cho ông Nguyễn Phước H. Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý rủi ro và ông Nguyễn Minh C. Chức vụ: Chuyên viên Phòng quản lý rủi ro – Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – chi nhánh An Giang. (Theo Quyết định ủy quyền số 825/QĐ-BIDV.AG ngày 24/12/2020).

Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông Cường tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2] Ngày 04/5/2021, bà Thái Thị Diễm T đã gửi Thông báo về việc chấm dứt ủy quyền với nội dung: ông Đường Văn D đồng ý cho bà Thái Thị Diễm T chấm dứt tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên với tư cách là người đại

diện ủy quyền. Kể từ ngày lập văn bản này quyền và nghĩa vụ các bên chấm dứt theo quy định pháp luật. Căn cứ nội dung Thông báo trên, Hội đồng xét xử không xác định bà Trúc tham gia vụ án với tư cách người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đường Văn D theo quy định tại Điều 89 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngân hàng khởi kiện ông D yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/8918444/HĐTD ngày 13/3/2017, yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/8918444/HĐBĐ ngày 13/3/2017 giữa Ngân hàng và ông D để đảm bảo cho việc thi hành án. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 01/2017/8918444/HĐTD ngày 13/3/2017, các bên thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Căn cứ Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[5] Bị đơn ông Đường Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Đ yêu cầu triệu tập ông Nguyễn Viết T, bà Lê Thụy Tường V, ông Hà Thanh T có mặt tại phiên tòa để đối chất làm rõ số tiền vay 420.000.000 đồng. Xét yêu cầu của ông D, bà Đào thì thấy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *“Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, đương sự hoặc người đại diện của họ.....phải có mặt tại phiên tòa, trừ trường hợp họ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ”*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đường Thị Thanh X, ông Nguyễn Viết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bà Lê Thụy Tường V có yêu cầu xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại tòa trình bày ngày 12/12/2020, ông Hà Thanh T có yêu cầu xét xử vắng mặt tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 20/11/2020 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[6] Tại phiên tòa, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 11.104.000 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền nợ gốc 11.104.000 đồng

[7] Ngân hàng yêu cầu ông D trả tổng cộng vốn và lãi là 374.341.757 đồng (tính đến ngày 26/5/2021). Trong đó, nợ gốc 247.950.000 đồng, lãi trong hạn 114.360.908 đồng, lãi quá hạn 12.030.849 đồng. Đồng thời yêu cầu ông D phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/8918444/HĐTD ngày 13/3/2017 trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi trả dứt nợ. Ông D không đồng ý trả nợ vay vì cho rằng ông chỉ vay số tiền 180.000.000 đồng, tại thời điểm giải ngân

ông không trực tiếp nhận tiền, người trực tiếp nhận tiền là ông Hà Thanh T, do tin tưởng ông T1 và ông Nguyễn Việt T (cán bộ tín dụng) ông chỉ ký tên vào hồ sơ vay, từ thời điểm vay đến nay, mỗi tháng ông đều trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trừ dần, ông D trả liên tục đến nay đã 37 tháng nhưng Ngân hàng không có ý kiến. Mặt khác, theo quy định pháp luật, hợp đồng vay chưa quá hạn (13/3/2022 mới hết hạn) thì Ngân hàng không có quyền khởi kiện ông.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng tín dụng số 01/2017/8918444/HĐTD ngày 13/3/2017 giữa Ngân hàng và ông D được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông D cho rằng chỉ nhận số tiền 180.000.000 đồng, người trực tiếp nhận tiền mặt khi giải ngân là ông Hà Thanh T và cung cấp hợp đồng tín dụng, bảng kê tính lãi đối với số tiền vay 180.000.000 đồng, Ngân hàng cung cấp tài liệu, chứng cứ là hợp đồng tín dụng ngày 13/3/2017, giấy rút tiền mặt ngày 20/3/2017, bảng kê chi tiền mặt ngày 20/3/2017 có chữ ký và chữ viết tên của ông D nhận số tiền vay 420.000.000 đồng.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng và ông D cung cấp nhận thấy tại trang 1 của Hợp đồng tín dụng và bảng kê tính lãi mà ông D cung cấp không có dấu mộc đóng dấu giáp lai từng trang của Ngân hàng, không có chữ ký của ông D và đại diện Ngân hàng. Tại phiên tòa ông D thừa nhận các chữ viết, chữ ký tên trên hợp đồng tín dụng ngày 13/3/2017, giấy rút tiền mặt ngày 20/3/2017, bảng kê chi tiền mặt ngày 20/3/2017 do Ngân hàng cung cấp là do ông ký và viết tên, thực hiện việc giải ngân nhận tiền mặt tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh Long Xuyên. Việc ông D thừa nhận chữ viết, chữ ký là của ông phù hợp với nội dung trình bày của Ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là hợp đồng tín dụng ngày 13/3/2017, giấy rút tiền mặt ngày 20/3/2017, bảng kê chi tiền mặt ngày 20/3/2017 nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, ông D cho rằng không trực tiếp nhận số tiền vay 420.000.000 đồng khi tại thời điểm giải ngân là không có cơ sở xem xét.

[9] Tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng 01/2017/8918444/HĐTD ngày 13/3/2017 các bên thỏa thuận nội dung:

“a) Lịch trả nợ gốc: Bên vay có trách nhiệm thanh toán nợ gốc theo quy định sau:

+ Từ tháng 4 đến tháng 02/2022 trả số tiền là: 7.000.000 đồng.

+ Riêng ngày 13/03/2022 trả số tiền: 7.000.000 đồng

b) Lãi vay được bên vay trả định kỳ vào ngày 20 hàng tháng”,

Tại điểm a, khoản 2 Điều 9 của Điều khoản và điều kiện vay đính kèm hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận nội dung:

“Bên vay sẽ được coi là vi phạm hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí phát sinh từ Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng.

2. Khi bên vay có bất kỳ vi phạm nào trên đây, Ngân hàng được quyền yêu cầu bên vay thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục trong một thời gian hợp lý do Ngân hàng quyết định. Trường hợp Bên vay không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ, Ngân hàng sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ (bao gồm cả việc phát mại tài sản của Bên vay đang cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng), kể cả thu hồi nợ trước hạn”.

Mặc dù hằng tháng ông D có thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi nhưng không thực hiện đúng việc trả tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nên có cơ sở xác định ông D vi phạm nghĩa vụ của bên vay và việc Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ trước thời hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng.

[10] Ông D yêu cầu Tòa án trả lại đơn khởi kiện, đình chỉ vụ án, yêu cầu xem xét chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra có thẩm quyền để xem xét về việc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của ông Hà Thanh T và các cán bộ phòng giao dịch Tôn Đức Thắng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo quy định pháp luật. Nhận thấy, tại Bản kết luận điều tra số 10 ngày 06/02/2018, Cáo trạng số 48/CT-VKSAG-P3 ngày 03/10/2018 và Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã xác định việc ông Hà Thanh T giúp ông D vay của Ngân hàng số tiền 420.000.000 đồng, trong đó ông D nhận tiền vay 180.000.000 đồng, ông Hà Thanh T nhận 240.000.000 đồng, hằng tháng ông T1 và ông D trả vốn, lãi theo số tiền từng người nhận là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm hình sự.

Mặt khác, tại biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay ngày 24/3/2017 thể hiện nội dung ông D không sử dụng tiền vay đúng mục đích và lấy tiền vay 240.000.000 đồng cho ông T1 mượn, có chữ ký tên của ông D đồng ý với nội dung làm việc tại biên bản trên, đồng thời biên nhận ngày 23/3/2017 giữa ông D và ông T1 được xác lập sau thời điểm ông D ký kết hợp đồng tín dụng và thời điểm nhận tiền vay nên không có cơ sở xem xét các yêu cầu trên của ông D. Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/11/2020 ông T1 cũng thừa nhận có vay số tiền 240.000.000 đồng của ông D, ông T1 không liên quan đến việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông D. Do đó, trường hợp ông D có tranh chấp liên quan đến số tiền 240.000.000 đồng đã cho ông T1 vay thì ông D có quyền khởi kiện ông T1 trong vụ án dân sự khác.

[11] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D trả tổng số tiền 374.341.757 đồng (tính đến ngày 26/5/2021), trong đó, nợ gốc 247.950.000 đồng, lãi trong hạn 114.360.908 đồng, lãi quá hạn 12.030.849 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật.

[12] Đối với yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp của Ngân hàng thì thấy để đảm bảo khoản nợ vay, Ngân hàng và ông D ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/8918444/HĐBĐ ngày 13/3/2017 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng T ngày 16/3/2017 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn ngày 17/3/2017. Xét nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[13] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền 374.341.757 đồng (tính đến ngày 26/5/2021). Trong đó, nợ gốc 247.950.000 đồng, lãi trong hạn 114.360.908 đồng, lãi quá hạn 12.030.849 đồng. Đồng thời, kể từ ngày 26/5/2021 buộc ông D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

[14] Trường hợp ông D không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/8918444/HĐBĐ ngày 13/3/2017. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05759 ngày 29/12/2015 do UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp cho ông Đường Văn D, số thửa: 38, tờ bản đồ số 40, diện tích 563,9m², loại đất ở tại nông thôn, nhà ở diện tích xây dựng 77,6m², diện tích sàn 124,6m², nền gạch Ceramic, khung cột BTCT, vách tường gạch + sàn BTCT, mái tole, cấp 3B, số tầng: 2. Đất và nhà ở tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang. Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông D còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

[15] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí với số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) theo biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên nên ông D có nghĩa vụ hoàn lại 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 85, 86, 144, 147, 227, 228, 235, 244, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 317, 318, 320, 323, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với số tiền nợ gốc 11.104.000 đồng (*Mười một triệu, một trăm lẻ bốn nghìn đồng*).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Đường Văn D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền 374.341.757 đồng (*Ba trăm bảy mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm năm mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc 247.950.000 đồng, lãi trong hạn 114.360.908 đồng, lãi quá hạn 12.030.849 đồng (tính đến ngày 26/5/2021).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/5/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2017/8918444/HĐTD ngày 13/3/2017. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông D không trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/8918444/HĐBĐ ngày 13/3/2017. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05759 ngày 29/12/2015 do UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp cho ông Đường Văn D, số thửa: 38, tờ bản đồ số 40, diện tích 563,9m², loại đất ở tại nông thôn, nhà ở diện tích xây dựng 77,6m², diện tích sàn 124,6m², nền gạch Ceramic, khung cột BTCT, vách tường gạch + sàn BTCT, mái tole, cấp 3B, số tầng: 2, đất và nhà ở tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang. Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông D còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Đường Văn D có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đường Văn D phải chịu 18.717.088 đồng (*Mười tám triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, không trăm tám mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 8.754.224 đồng (*Tám triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi bốn*

đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002998 ngày 15/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên